

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
Số: 995 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huế, ngày 11 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025, Kế hoạch tài chính năm 2025; Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2024 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2025; giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2025 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa

GÔNG TY TNHH NH MTV LÂM NGHIỆP NAM HÒA
ĐẾN Số: 90
Ngày: 15/4/2025
Chuyên: TV, KH
Lưu hồ sơ số: U.GP, VN

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương,



thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 605/TTr-STC ngày 28 tháng 3 năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025 và Kế hoạch tài chính năm 2025 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2024 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2025 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2025 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa.

- Căn cứ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025 được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này hoàn chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 của Công ty để công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ.

- Căn cứ số liệu giám sát, thẩm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan để phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2024 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2025. Quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2024 theo số liệu được phê duyệt tại Điều 2 Quyết định này.

- Tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định và có hiệu quả để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm của Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm giúp UBND thành phố giám sát, đánh giá việc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa thực hiện các chỉ tiêu được phê duyệt tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này.

Điều 6. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân thành phố về hồ sơ, số liệu, các thông tin liên quan tại văn bản trình nêu trên.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 8. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- CVP và các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, DN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Quý Phương



PHỤ LỤC I
Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu				
-	Cây giống lâm nghiệp	nghìn cây	1.794	2.000	
-	Gỗ tận thu rừng trồng dự án JBIC	m ³	-	2.450	
-	Khai thác rừng trồng	ha	154,6	153,8	
-	Khai thác nhựa thông	kg	24.490	20.000	
-	Cho thuê mặt bằng (cho thuê lắp đặt trạm viễn thông)	tháng	-	-	
-	Dịch vụ tư vấn thiết kế lâm nghiệp	ha	70	100	
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích				
-	Dịch vụ môi trường rừng (diện tích quy đổi)	ha	11.866	11.797	
-	Dịch vụ QLVR	ha	405	405	
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	19.991	19.373	
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.180	5.210	
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.467	4.609	
6	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Triệu đồng	2.292	3.386	
	<i>Trong đó: Thuế TNDN</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>713</i>	<i>601</i>	
7	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	7.517	9.756	
-	<i>Vườn ươm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>158</i>	<i>55</i>	
-	<i>Trồng rừng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>3.157</i>	<i>4.109</i>	
-	<i>Chăm sóc rừng trồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>4.156</i>	<i>5.542</i>	
-	<i>Sửa chữa, xây dựng công trình nhỏ</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>46</i>	<i>50</i>	
8	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD			
9	Các chỉ tiêu khác		-	-	

II. Kế hoạch đầu tư (dự án nhóm B trở lên): Không



PHỤ LỤC II

Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2024 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2025

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
I	Tiền lương của người quản lý chuyên trách				
1	Hạng công ty được xếp	Hạng	II	II	
2	Số người quản lý chuyên trách	Người	4	3,5	
3	Hệ số lương bình quân	Hệ số	5,430	5,240	
4	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	18,750	19,500	
5	Hệ số tăng thêm so với mức lương cơ bản	Hệ số	-	0,50	
6	Mức % tiền lương tính thêm (<i>lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch</i>)	%	8,670	-	
7	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	1.467,106	1.228,500	
8	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	30,565	29,250	
II	Thù lao của người quản lý không chuyên trách				
1	Số người quản lý không chuyên trách	Người	1	1	
2	Quỹ thù lao	Triệu đồng	65,20	60,00	
3	Mức thù lao bình quân	Triệu đồng/tháng	5,43	5,00	



Phụ lục III. Giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2025

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	19.990,94	19.373,3	
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.467,23	4.608,7	
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	33,93%	26,36%	